TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 4 – 2019
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Phượng

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Mộng Th, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp Mỹ B, xã Thạnh Mỹ T, huyện Châu P, tỉnh A Gi.

Địa chỉ tạm trú: Số F1/12C, Hương Lộ 80, ấp 6, xã Vĩnh L A, huyện Bình C, Thành phố H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Mỹ B, xã Thạnh Mỹ T, huyện Châu P, tỉnh A Gi

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Võ Thị Mộng Th trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn Kh kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ T, huyện Châu P. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh thường đánh vợ, có người phụ nữ khác và vợ chồng đã ly thân từ ngày 27/7/2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Kh.

Về con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 15/6/2013, sống chung với chị từ ngày 27/7/2018 đến ngày 21/01/2019. Sau đó anh Kh đến bắt con đi với ý định buộc chị quay về chung sống lại, nhưng chị không đồng ý.

Nếu ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh Kh nuôi, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Kh vắng mặt, không có lời trình bày:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70,71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân của chị Th và anh Kh là hợp pháp và được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trong quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 đến nay, nhưng không hàn gắn được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Từ khi ly thân đến ngày 21/01/2019 sống với chị Th. Sau đó anh Kh đến bắt con và nuôi cho đến nay, chị Th cũng đồng ý giao con cho anh Kh, không đồng ý cấp dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nếu sau này anh Kh có yêu cầu về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện chị Th sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi công bố lời khai của chị Võ Thị Mộng Th và bà Nguyễn Thị Th (mẹ ruột của anh Nguyễn Văn Kh) Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Võ Thị Mộng Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn Kh nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Kh với tư cách là bị đơn trong vụ án, có nơi cư trú tại xã Thạnh Mỹ T, huyện Châu P, tỉnh A Gi nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, chị Võ Thị Mộng Th và anh Nguyễn Văn Kh đều vắng mặt, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng (đối với anh Kh) nên Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Võ Thị Mộng Th cho rằng, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, vì muốn lo cho con và gia đình, chị cố chịu đựng nhưng không có kết quả và vợ, chồng ly thân từ ngày 27/7/2018 nên chị mong muốn được ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, Hôn nhân giữa chị Võ Thị Mộng Th và anh Nguyễn Văn Kh được pháp luật thừa nhận, bởi vì có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và đã chính thức ly thân từ hơn 08 tháng qua. Tuy nhiên, cả hai người vẫn không có biện pháp hàn gắn mà nguyên nhân là do anh Kh không quan tâm chăm sóc vợ, con và có hành vi bạo lực gia đình, cho thấy tình cảm giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cho nên yêu cầu được ly hôn của chị Th là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 15/6/2013. Theo chị Th trình bày, con đang sống với anh Kh, chị đồng ý giao cho anh tiếp tục nuôi, không cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, khi khởi kiện chị Th yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Kh cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ. Sau đó chị thay đổi, đồng ý giao cho anh Kh nuôi, chị không cấp dưỡng.

Xét thấy, Tòa án đã tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Kh vẫn không đến hoặc gửi lời trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị Th. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị, giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 15/6/2013 cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng, chị Th không cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian nuôi con, anh Kh không đủ khả năng thì có quyền khởi kiện yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con sau.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cấp dưỡng nuôi con chung không cố định. Vì vậy, trong thời gian nuôi con, nếu có căn cứ cho rằng, anh Kh không đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có hành vi bạo lực thì chị Th có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh Kh cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Th thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Th khai không nên Tòa án không đề cập giải quyết, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai người phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 2 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Võ Thị Mộng Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Kh.

Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn Kh tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Ngọc Th, sinh ngày 15/6/2013 đến khi cháu tròn 18 tuổi và lao động được. Chị Th không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Th không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ: Không

Về án phí sơ thẩm:

Chị Võ Thị Mộng Th phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0002339 ngày 07/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trương Văn Hai